TRAO ĐỔI NHIỆT DẠNG TẤM GIOĂNG CF83

giải pháp trao đổi nhiệt

Bộ trao đổi nhiệt dạng tấm với gioăng CF83 được thiết kế với nhiều tấm truyền nhiệt kết hợp với gioăng làm kín, ứng dụng trao đổi năng lượng nhiệt từ một lưu chất sang lưu chất khác với hiệu suất tối đa. Bộ trao đổi nhiệt đáp ứng và ứng dụng rộng rãi trong nhiều ngành công nghiệp. Cùng với các ưu điểm hiệu suất cao, nhỏ gọn, dễ dàng tháo lắp, vệ sinh và vi sinh.

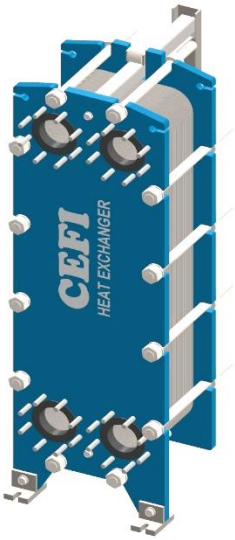

Thông số kỹ thuật

Vật liệu tấm: AISI316 / titanium hoặc vật liệu khác
Khung: Thép cacbon / Thép không gỉ
Vật liệu gioăng: EPDM, NBR và Viton
Áp suất thiết kế PN16, PN25
Nhiệt độ hoạt động từ -30°C đến 180°C(tùy theo vật liệu gioăng)
Lưu lượng dòng lạnh lớn nhất 680 m3/hr
Kích thước kết nối DN200
Kiểu kết nối: bích DIN PN16, PN25, ANSI 150#

Lợi ích từ công nghệ của chúng tôi

- Hệ số trao đổi năng lượng cao, gia nhiệt hiệu quả
- Tấm gia nhiệt thiết kế dòng chảy rối cao, sụp áp thấp
- Dòng chảy liên tục và thời gian lưu trú của lưu chất ngắn
- Tăng hiệu quả dòng chảy và nguy cơ tắc nghẽn thấp
- Loại bỏ điểm chết của dòng chảy
- Khả năng rò rỉ giữa hai chất lỏng rất thấp
- Nhỏ gọn, tiết kiệm không gian
- Chi phí đầu tư, vận hành thấp
- Lắp đặt đơn giản, bảo trì dễ dàng

Ứng dụng tiêu biểu

- Hệ thống gia nhiệt
- Hệ thống làm mát
- Thu hồi nhiệt và ngưng tụ hơi nước
- Hơi ngưng tụ
- Hệ thống nước nóng sinh hoạt
- Trung tâm dữ liệu

Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu

- EN13445
- ASME phần VIII, Mục 1

Lĩnh vực khách hàng

- Bệnh viện, khách sạn
- Thực phẩm chế biến
- Dược phẩm
- Bột giấy, giấy, giấy carton
- Đồ uống, bia
- Giặt ủi
- Nhuộm
- Hóa chất
- Lọc, hóa dầu
- Nhiệt điện
- Nhiều ngành nghề khác

Kích thước (mm)

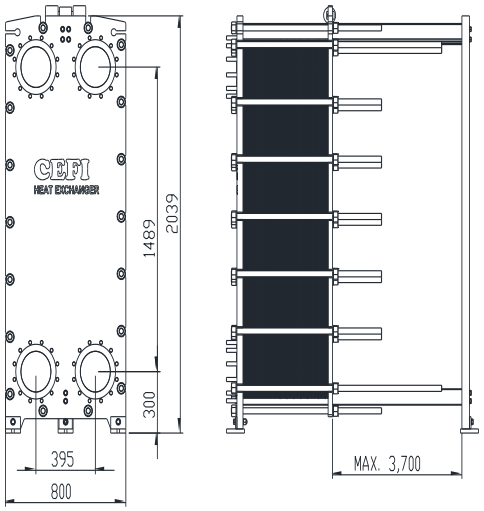

CEFI COMPANY LIMITED
Address: 115/49 Thanh Loc 37, An Phu Dong ward 71516, Ho Chi Minh city, Viet Nam
Website: https://cefiint.com/ , sales@cefiint.com

Sơ đồ ứng dụng tiêu biểu (P&ID)

1. Ứng dụng cho lưu chất lỏng và lưu chất lỏng

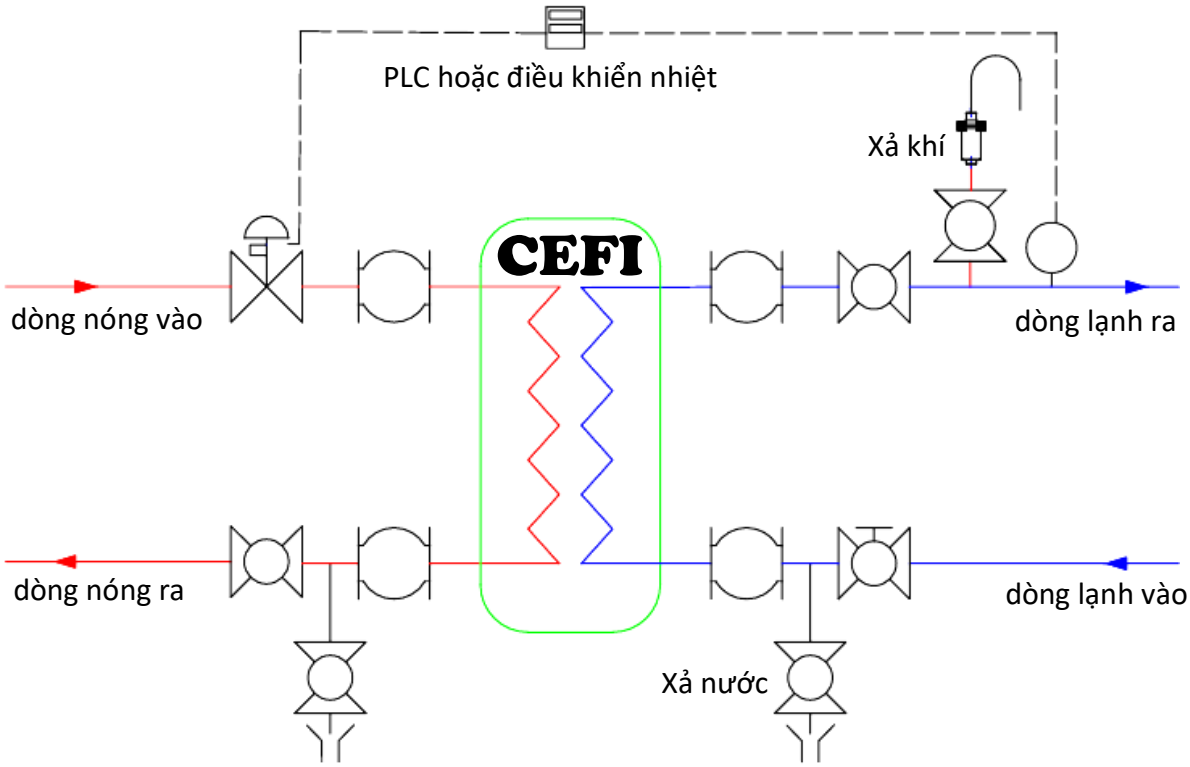

2. Ứng dụng hơi bão hòa và lưu chất lỏng

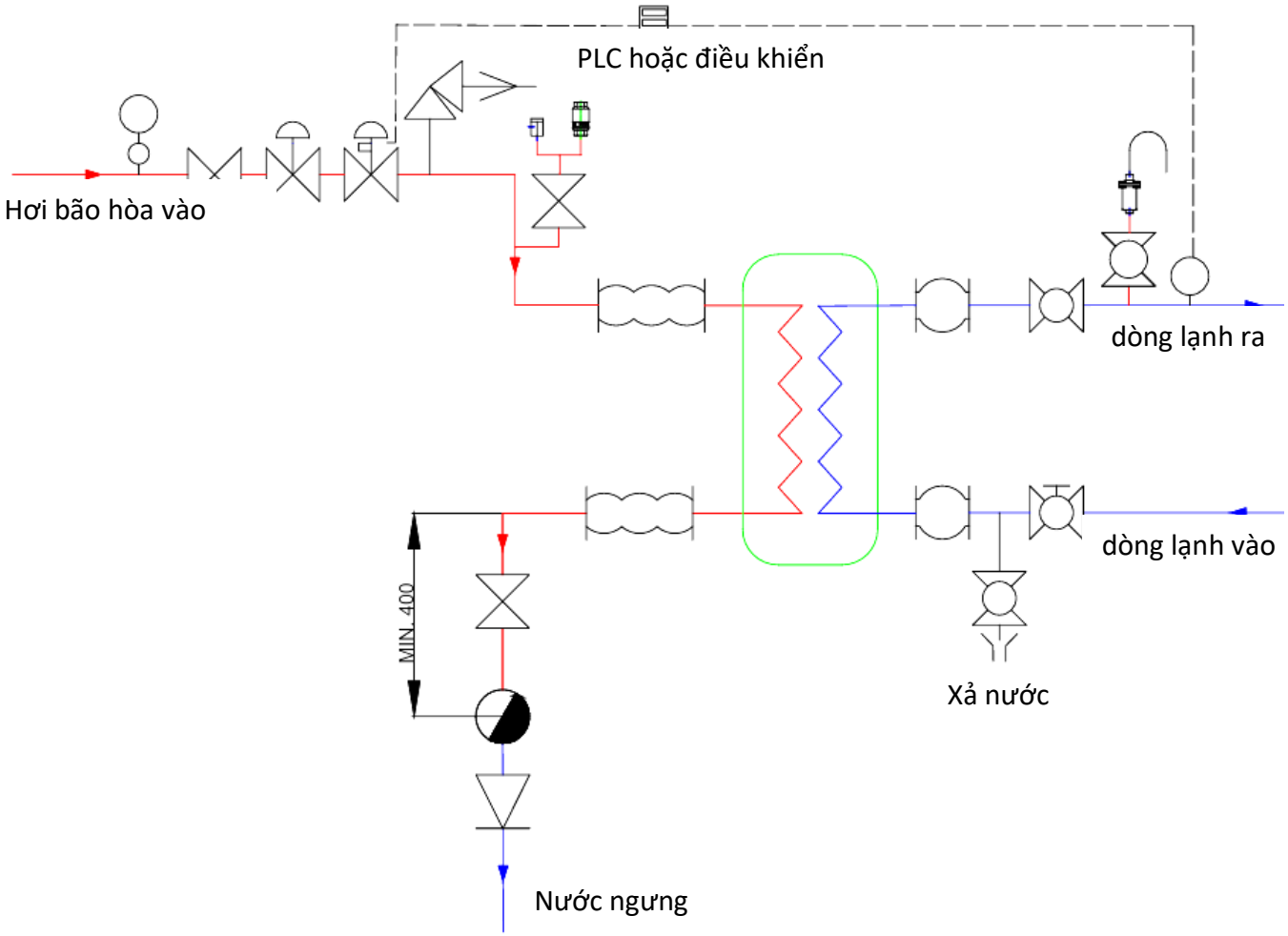

Thông tin thiết kế bộ trao đổi nhiệt

Thông tin	DÒNG LẠNH	DÒNG NÓNG
Tên lưu chất*		
Trạng thái lưu chất*		
Lưu lượng* (m3/hr)		
Tỉ trọng (kg/m3)		
Lưu lượng (kg/hr)		
Nhiệt độ ngõ vào* (°C)		
Nhiệt độ ngõ ra* (°C)		
Áp suất hoạt động* (bar)		
Sụp áp lớn nhất cho phép (bar)		
Kết cấu vật liệu khung		